TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 379/2022/DS-PT
Ngày: 12-12-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Bà Lê Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 411/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 212/6, ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: 703/8, ấp T4, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quí P, sinh năm 1983. Địa chỉ: 703/8, ấp T4, xã T3, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

1. Ông Bùi Duy T1, sinh năm 1978.

2. Ông Lê Văn P1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 62, đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2022.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Duy T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022 và những lời khai trình bày tại phiên tòa bà Nguyễn Kim H là nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thụy Kim T đã tổ chức chơi hụi trong nhiều năm qua, nên bà tin tưởng tham gia các dây hụi do bà T làm chủ hụi. Bà T là chủ các dây hụi từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, mở hụi hàng tháng, khi các hụi viên hốt hụi, bà T hưởng tiền hoa hồng. Bà tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 05/4/2021 âm lịch, hụi 17 phần, bà đã đóng 14 kỳ hụi sống, tổng số vốn đóng hụi là 99.040.000 đồng.

Ông Trần Quí P là chồng của bà T cùng làm chủ hụi với bà T, những dây hụi đã mãn ông P đã trực tiếp cùng bà T đi giao tiền hốt hụi cho bà. Bà T và ông P là vợ chồng cùng làm ăn chung nên bà yêu cầu bà T và ông P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số nợ vốn góp hụi tổng cộng là 99.040.000 đồng trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Võ Thuỵ Kim T là bị đơn tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2022 trình bày:

Bà có tổ chức chơi hụi và còn thiếu nợ vốn góp hụi của bà Nguyễn Kim H số tiền 99.040.000 đồng. Việc chơi hụi là do cá nhân bà tự tổ chức chơi để phục vụ cho mục đích cá nhân. Do bà phải đóng choàng phần của các hụi viên khác nên không còn khả năng chi trả. Nay bà đồng ý trả số nợ trên cho bà H nhưng xin trả dần khi có điều kiện mà không xác định thời hạn trả.

- Ông Lê Văn P1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quí P có đơn trình bày ý kiến:

Ông P và bà T là vợ chồng, nhưng việc góp hụi của bà T với nguyên đơn thì ông P hoàn toàn không biết, việc góp hụi là việc cá nhân của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất kỳ tài sản nào trong thời gian bà T chơi hụi. Khi vụ việc bể hụi mọi người tìm đến nhà đòi thì ông P mới biết. Vì vậy, bà T phải chịu trách nhiệm và ông P không chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T hoàn trả tiền cho nguyên đơn.

- Bà Phan Thị P2 và bà Trần Thị Kim L là người làm chứng trình bày:

Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P là vợ chồng đã tổ chức chơi hụi từ nhiều năm nay ở xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành. Ông P có trực tiếp thu tiền của các hụi viên góp hụi và cùng bà T đi giao tiền hốt hụi cho các hụi viên.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Nguyễn Kim H đối với bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp hụi cho bà Nguyễn Kim H số tiền 99.040.000 đồng (Chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.952.000 đồng. Bà Nguyễn Kim H không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 2.476.000 đồng, theo biên lai thu số 0007967 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 03/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quí P do ông Bùi Duy T1 đại diện kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông Trần Quí P liên đới trả tiền cùng bà Võ Thụy Kim T.

Tại phiên tòa P thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo; ông Thạnh, ông Phiến có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án: Bà T tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T với ông P, việc bà T tổ chức chơi hụi đến khi vỡ hụi diễn ra trong một thời gian dài tại nhà của ông P, bà T; ông P có trực tiếp cùng bà T đi giao tiền hốt hụi cho bà H nên việc ông P trình bày ông không biết việc bà T tổ chức chơi hụi là không có cơ sở chấp nhận. Ông P, bà T cho rằng hai người làm ăn riêng, kinh tế độc lập nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khi đó nguyên đơn cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y "P T" hai người cùng mua bán, để chứng minh ông P, bà T cùng làm ăn chung. Do đó, T và ông P phải liên đới thanh toán nợ vốn góp hụi cho bà H phù hợp với quy định tại các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Duy T1 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quí P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Quí P do ông Bùi Duy T1 kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông Bùi Duy T1 yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Giữa bà Nguyễn Kim H và bà Võ Thụy Kim T đều trình bày thống nhất về số tiền vốn góp hụi hiện nay bà T còn tH bà H là 99.040.000 đồng, bà T đồng ý hoàn trả số tiền hụi còn nợ nêu trên. Cấp sơ thẩm buộc bà T cùng chồng là ông Trần Quí P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Ông P không đồng ý và kháng cáo cho rằng ông không biết việc bà T tổ chức chơi hụi, việc tổ chức chơi hụi là việc của cá nhân bà T không nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình nên ông không có trách nhiệm liên đới. Xét thấy, việc bà T tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P, việc bà T tổ chức chơi hụi đến khi vỡ hụi diễn ra trong một thời gian dài tại nhà của ông P, bà T; ông P có trực tiếp cùng bà T đi giao tiền hốt hụi cho bà H cũng như các hụi viên khác, các nhân chứng cũng xác định là ông P cũng có đi thu, giao tiền hụi. Bà H cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y "P T" do ông P, bà T cùng mua bán, đã chứng minh ông P, bà T cùng làm ăn chung. Do đó, bà H yêu cầu bà T và ông P phải liên đới thanh toán nợ vốn góp hụi cho bà H số tiền 99.040.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu,

phường. Cấp sơ thẩm đã nhận định và buộc ông P liên đới cùng bà T trả nợ hụi cho bà H là có căn cứ.

[4] Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Duy T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quí P phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Duy T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Nguyễn Kim H đối với bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp hụi cho bà Nguyễn Kim H số tiền 99.040.000 đồng (Chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quí P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.952.000 đồng. Bà Nguyễn Kim H không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 2.476.000 đồng, theo biên lai thu số 0007967 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quí P phải chịu 300.000 đồng, do ông P đã có nộp tạm ứng án phí dân sự P thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008088 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên số tiền trên được chuyển sang án phí.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những